

Số: *911* /QĐ-SGDĐT

Đồng Nai, ngày *16* tháng *10* năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng  
ngành Giáo dục và Đào tạo

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định 38/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2.** Quy chế Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo được áp dụng từ năm học 2019-2020.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các văn bản hướng dẫn từ năm học 2018 – 2019 trở về trước có nội dung trái với Quyết định này.

**Điều 4.** Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng cơ quan Sở, Hội đồng Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *đ*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Công thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB. *đ*

GIÁM ĐỐC



*Huỳnh Lê Giang*



## **QUY CHẾ**

**Về công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../QĐ-SGDĐT ngày ... của  
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

### **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định đối tượng; nguyên tắc xét thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng; hình thức; thẩm quyền quyết định; trình tự, thời gian, thủ tục, tổ chức trao thưởng; quyền và nghĩa vụ, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo, thu hồi, cấp lại hình thức khen thưởng; trách nhiệm chi thưởng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
2. Các phòng chức năng và phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo;
3. Các trường trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc;
4. Các tổ chuyên môn, hành chính thuộc các đơn vị quy định tại khoản 3 điều này;
5. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên trong các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều này;

#### **Điều 3. Nguyên tắc thi đua**

1. Tự nguyện, tự giác, công khai.
2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
3. Thi đua có kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu, thời hạn và tiêu chí cụ thể.

#### **Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng**

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ, động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

2. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

3. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công chức, viên chức, người lao động, lao động sáng tạo ở vùng khó khăn, vùng đồng bào ở cơ sở khi đề nghị khen thưởng chuyên đề cấp tỉnh.

4. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng, hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét, thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

7. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, nhưng không quá 2 lần được tặng bằng khen chuyên đề của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong một năm (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo niên hạn) đối với tập thể và cá nhân.

8. Không xét khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn. Ngoại trừ các trường hợp thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tập thể cá nhân đã trình Bộ, đoàn thể Trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

10. Xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Không xét khen thưởng các tập thể, cá nhân, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu có tập thể hoặc cá nhân thuộc quyền quản lý vi phạm một trong các điểm sau: kê khai không đúng thành tích đạt được; vi phạm đạo đức nhà giáo, đạo đức người học; vi phạm quy chế tuyển sinh, quy chế thi, dạy thêm, học thêm; thu, chi sai quy định, vi phạm vấn đề tài chính hoặc có cá nhân vi phạm pháp luật hoặc có xảy ra tham nhũng, mất dân chủ, mất đoàn kết nội bộ làm ảnh hưởng đến môi trường giáo dục của đơn vị, của ngành (nội dung quy định tại Thông tư 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2019);

11. Kết quả đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức là căn cứ quan trọng để làm cơ sở xét thi đua, khen thưởng. Các cơ quan, đơn vị sau khi đánh giá phải ban hành quyết định công nhận kết quả xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị. Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đề nghị xét công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", các hình thức khen thưởng cấp Bộ đảm bảo không quá 1/3 là cán bộ quản lý;

12. Chuyên đề thi đua do cấp nào phát động thì cấp đó xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét khen thưởng. Không khen thưởng các chuyên đề công tác khi không đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Tập thể, cá nhân phải có số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình và cấp ngành đối với “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Cờ thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo”, “Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Tập thể lao động xuất sắc”; trên 2/3 đối với các danh hiệu và các hình thức khen thưởng “Giấy khen”, “Bảng khen UBND tỉnh”, “Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương”; số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ 90% trở lên trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình, cấp ngành và của Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

#### **Điều 5. Căn cứ để xét danh hiệu thi đua, khen thưởng**

##### 1. Căn cứ để xét danh hiệu thi đua

- a) Phong trào thi đua;
- b) Đăng ký tham gia thi đua;
- c) Thành tích thi đua;
- d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

##### 2. Căn cứ để xét khen thưởng

- a) Tiêu chuẩn khen thưởng;
- b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;
- c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

#### **Điều 6. Danh hiệu thi đua**

##### 1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

- a) Cờ thi đua của Chính phủ;
- b) Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- d) Cờ thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo;
- e) Tập thể lao động xuất sắc;
- f) Tập thể lao động tiên tiến;
- g) Tổ lao động tiên tiến.

##### 2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

- a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- b) Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai;
- c) Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- d) Lao động tiên tiến.

#### **Điều 7. Hình thức khen thưởng.**

Các hình thức khen thưởng:

1. Huân chương;
  2. Huy chương;
  3. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”;
  4. Danh hiệu Vinh dự nhà nước;
  5. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
  6. Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
  8. Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.
9. Hình thức khen thưởng được xét tặng khi kết thúc năm công tác, kết thúc một chuyên đề thi đua hoặc một đợt thi đua, khen đột xuất, khen phục vụ nhiệm vụ chính trị.

#### **Điều 8. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua**

1. Thời gian đăng ký thi đua và nhập phần mềm phân hệ thi đua – khen thưởng ngành Nội vụ: Trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.
2. Nội dung đăng ký thi đua gồm:
  - a) Đối với tập thể
    - Đăng ký thực hiện theo nội dung các tiêu chí quy định tại Quyết định 906/QĐ-SGDĐT ngày 15/10/2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.
  - b) Đối với cá nhân
    - Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại điều 6 và điều 7 của Quy chế này.

#### **Điều 9. Thời gian gửi báo cáo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng**

1. Thời gian gửi báo cáo sơ kết
  - a) Các đơn vị: chậm nhất ngày 15 tháng 01;
  - b) Các cụm thi đua: chậm nhất ngày 25 tháng 01.
2. Thời gian gửi báo cáo tổng kết
  - a) Các đơn vị: chậm nhất ngày 20 tháng 5;
  - b) Các cụm thi đua: chậm nhất ngày 25 tháng 6.

#### **Điều 10. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”: chậm nhất ngày 31 tháng 01 hàng năm.
2. Khen thưởng cấp ngành, cấp tỉnh, cấp bộ và cấp Nhà nước
  - a. Các phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo, chậm nhất 15 tháng 01 hàng năm.
  - b. Các trường THPT và đơn vị trực thuộc: chậm nhất ngày 10 tháng 6 hàng năm.
  - c. Các phòng Giáo dục và Đào tạo: chậm nhất ngày 30 tháng 6 hàng năm.
  - d. Các cụm thi đua: chậm nhất ngày 10 tháng 6 hàng năm.

### **Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Tổ chức thi đua khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua khen thưởng để vụ lợi.
2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.
3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.
4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.
5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

### **Điều 12. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua**

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua, khen thưởng và đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trên phạm vi toàn tỉnh.
2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua, tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.
3. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích khen thưởng, tham mưu công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi quản lý, thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu thi đua, khen thưởng theo quy định.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC THI ĐUA**

#### **Điều 13. Hình thức tổ chức phong trào thi đua**

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị hoặc theo cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm học, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trưởng các cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột xuất hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoản thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Các phòng Sở chủ trì công tác thi đua chuyên đề phối hợp với Bộ phận Thi đua – khen thưởng ngành để được hướng dẫn quy trình, thủ tục trước khi tham mưu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch chương trình, biện pháp tổ chức phong trào thi đua sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

#### **Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý và một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm để đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và bảo đảm các điều kiện vật chất, tinh thần cho phong trào. Thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện, chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, ý nghĩa, tác dụng; tồn tại hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; dân chủ, khách quan, công khai, bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc.

#### **Điều 15. Tổ chức và hoạt động của cụm thi đua**

1. Tổ chức các cụm thi đua các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức các cụm thi đua cấp Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở: Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Cụm thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ phối kết hợp tổ chức trong phong trào thi đua, xây dựng nhân rộng điển hình tiên tiến, bình chọn suy tôn đơn vị dẫn đầu để Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân tỉnh xét tặng cờ thi đua.

### **Chương III**

#### **DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 16. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại điều 24 của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 1 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành



tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”,

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

5. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định, và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

#### **Điều 17. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do người có thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong đơn vị, ngành và đảm bảo không quá 1/3 là cán bộ quản lý.

#### **Điều 18. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. Cơ sở để xét thành tích tiêu biểu xuất sắc là mức độ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân.

2. Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai” phải được Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai xem xét, đánh giá và công nhận.

3. Cá nhân được đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai phải có số phiếu bầu chọn đạt tỷ lệ 90% nhất trí trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua – khen thưởng cấp tỉnh khen và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

#### **Điều 19. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

#### **Điều 20. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho:

- a) Các phòng chức năng, phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT và các đơn vị trực thuộc;
- b) Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- c) Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

2. Tiêu chuẩn

- a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đề nghị xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến cho tập thể nhỏ như tổ lao động tiên tiến, tỷ lệ tổ đề nghị tặng danh hiệu “Tổ lao động tiên tiến” được quy định như sau:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được công nhận “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, tỷ lệ tổ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” là 100% các tổ được đánh giá mức độ từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được công nhận “Hoàn thành nhiệm vụ”, tỷ lệ tổ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” không quá 50% các tổ được đánh giá từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

### **Điều 21. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) “Tập thể lao động xuất sắc” là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

d) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

đ) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho các đối tượng:

- a) Các phòng chức năng, phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo;
- b) Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc;
- c) Các phòng Giáo dục và Đào tạo.

### 3. Tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 70% trên tổng số tập thể, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và được đánh giá công vụ “Hoàn thành xuất sắc” nhiệm vụ.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị được công nhận “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 50% trên tổng số tập thể, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và được đánh giá công vụ “Hoàn thành xuất sắc” nhiệm vụ.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị được công nhận “Hoàn thành nhiệm vụ”, tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% trên tổng số tập thể, đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến và được đánh giá công vụ “Hoàn thành xuất sắc” nhiệm vụ.

#### **Điều 22. Cờ thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Cờ thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho các đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua tổng kết thi đua năm học đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới hoạt động hiệu quả để các đơn vị khác học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được các đơn vị trong cụm thi đua suy tôn là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu trong số các tập thể lao động xuất sắc.

3. Số lượng Cờ thi đua Sở Giáo dục và Đào tạo được phân bổ như sau: Mỗi cụm thi đua được xét tặng 01 cờ.

#### **Điều 23. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”**

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng hàng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số các tập thể lao động xuất sắc, dẫn đầu khối, cụm thi đua, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Kết thúc năm học, sở giáo dục và đào tạo lựa chọn 01 tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động của mỗi cấp học và trình độ đào tạo, 01 phòng giáo dục và đào tạo để đề nghị Bộ trưởng xét, tặng Cờ thi đua.

#### **Điều 24. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới hoạt động hiệu quả để các đơn vị khác học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

d) Được các đơn vị trong cụm, khối thi đua suy tôn là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu trong số các tập thể lao động xuất sắc.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết hoặc trong các trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu toàn diện phong trào thi đua năm, số lượng Cờ phân bổ như sau:

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG CỜ
1	Khen thưởng theo năm công tác: Sở Giáo dục và Đào tạo	01
2	Khen thưởng theo năm học: Đối với các trường học, đơn vị giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.	03

#### **Điều 25. Cờ thi đua của Chính phủ**

Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

#### **Điều 26. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua**

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng ‘Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh’, danh hiệu ‘Tập thể lao động xuất sắc’, ‘Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai’ cho tập thể, cá nhân do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị; xem xét trình Chính Phủ quyết định tặng danh hiệu ‘Cờ thi đua của Chính Phủ’, ‘Chiến sĩ thi đua toàn quốc’.

3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tặng danh hiệu ‘Chiến sĩ thi đua cơ sở’, ‘Lao động tiên tiến’, ‘Tập thể lao động tiên tiến’, ‘Tổ lao động tiên tiến’ cho các cá nhân tập thể thuộc cơ quan Sở, các trường Trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc; trình khen thưởng cấp trên.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc quản lý của cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu ‘Lao động tiên tiến’, ‘Chiến sĩ thi đua cơ sở’, ‘Tập thể lao động tiên tiến’ và trình khen thưởng cấp trên.

#### **Điều 27. Kỷ niệm chương ‘Vì sự nghiệp giáo dục’**

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng một lần cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

**1. Cá nhân trong ngành Giáo dục**

a) Có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

b) Đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn so với thời gian quy định tại điểm a khoản này là 05 năm;

c) Đang công tác được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục nhận công tác trong ngành Giáo dục thì thời gian đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong ngành Giáo dục để xét tặng Kỷ niệm chương;

d) Có đủ thời gian công tác quy định tại điểm a khoản này nhưng bị kỷ luật từ mức khiển trách đến dưới mức buộc thôi việc, chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm, tính từ thời điểm có quyết định xóa kỷ luật. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương;

đ) Cá nhân đã nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ xem xét, đề nghị khen thưởng; đối với cá nhân đã nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội, nay đơn vị giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của đơn vị đó có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, xem xét, đề nghị khen thưởng.

**2. Cá nhân ngoài ngành Giáo dục:** đã đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, chính quyền, đoàn thể đủ một nhiệm kỳ trở lên, có nhiều đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục; hoặc có nhiều đóng góp xây dựng, ủng hộ tài chính, hiện vật cho sự phát triển ngành Giáo dục được sở giáo dục và đào tạo và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

**3. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Việt Nam, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Giáo dục Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế.**

## **Chương IV**

### **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 28. Các loại hình khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại điều 13, nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính Phủ. Riêng loại hình khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc sẽ thực hiện việc khen thưởng đối với các trường hợp cụ thể như sau:

1. Gương người tốt việc tốt tiêu biểu toàn tỉnh;
2. Đóng góp lớn cho hoạt động xã hội từ thiện;
3. Đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn;
4. Lập chiến công lớn trong chiến đấu, có thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến đấu.
5. Giúp các địa phương khắc phục thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn ... có hiệu quả.

## **Điều 29. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng**

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tunogw xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao, không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của tỉnh hoặc, cơ quan, tổ chức, đơn vị để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

## **Điều 30. Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Điều 31. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cho cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo dạy và học” giai đoạn 2016 - 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho tập thể đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo dạy và học” giai đoạn 2016 - 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

## **Điều 32. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ hàng năm**

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

## **Điều 33. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích chuyên đề**

1. Bằng khen tặng cho cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Đạt thành tích xuất sắc, được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

c) Đối với phong trào thi đua có thời gian từ 5 năm trở lên, cơ quan chủ trì phát động phối hợp với Ban thi đua – Khen thưởng (Sở Nội vụ) ban hành hướng dẫn.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua của các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải cao các cuộc thi, hội thi, chương trình, hội diễn, liên hoan,... đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp quốc tế, châu lục, khu vực châu lục.

b) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp toàn quốc.

c) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì (hoặc tương đương) tại các kỳ thi cấp khu vực.

d) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất (hoặc tương đương) tại các cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn liên hoan cấp tỉnh trở lên do các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đăng cai tổ chức theo định kỳ hoặc theo chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, trung ương.

Nếu trong các cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn, kỳ thi đã quy định mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt (hoặc kinh phí xã hội hóa) cao hơn mức thưởng “bằng khen của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì chỉ được tặng bằng khen, kèm theo tiền thưởng của Ban Tổ chức cuộc thi, chương trình, hội thi, hội diễn, kỳ thi.

Trong một cuộc thi, chương trình hội thi, liên hoan, trường học tập thể, cá nhân tham dự và đạt giải cao ở nhiều nội dung thì chỉ xét tặng một bằng khen cho thành tích cao nhất.

4. Khen thưởng cho học sinh giỏi đạt giải tại các kỳ thi và giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải thưởng được thực hiện theo quy định riêng của tỉnh.

5. Khen kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống của ngành, đơn vị.

a) Ngành có tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào năm tròn (5 năm, 10 năm, 15 năm, ...) xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Tỉnh Ủy về việc tổ chức lễ kỷ niệm và đề nghị khen thưởng;

b) Các trường Trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc có tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào năm tròn (5 năm, 10 năm, 15 năm, ...) xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và xin ý kiến Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức lễ kỷ niệm và đề nghị khen thưởng;

c) Cá nhân được xét tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đạt các tiêu chuẩn sau: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian tham gia công tác tại ngành, địa phương, đơn vị và có thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị đó tương ứng với số năm kỷ niệm ngày thành lập hoặc từ 15 năm trở lên.

**Điều 34. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích đột xuất**

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau: có hành động dũng cảm, phòng chống tội phạm, cứu người, bảo vệ tài sản của nhân dân, của nhà nước, trong đấu tranh bảo vệ tổ quốc, giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, hay trong những hoàn cảnh hiểm nghèo khác.

**Điều 35. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các cơ quan, đơn vị nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị vào năm tròn (5 năm, 10 năm, 15 năm ...) xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và xin ý kiến của các cấp thẩm quyền về việc tổ chức lễ kỷ niệm và đề nghị khen thưởng.

**Điều 36. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

Bằng khen của Thủ tướng chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 38, nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

**Điều 37. Huân chương các loại**

Huân chương các loại thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

**Điều 38. Khen thưởng quá trình công hiến và quy định chức năng tương đương để xét khen thưởng.**

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của chính phủ và qui định tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

**Điều 39. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các hình thức khen thưởng**

1. Chủ tịch nước quyết định Tặng Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng bằng khen.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng bằng khen.
4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng giấy khen.

**Chương V**

**THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN KHEN THƯỞNG**

**Điều 40. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ**

1. Hội đồng thi đua – Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của sở Nội vụ đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng “Bằng khen của Thủ tướng chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, giải thưởng nhà nước và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.



2. Báo cáo thành tích phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và bám sát tiêu chuẩn, điều kiện quy định. Đối với các sáng kiến, giải pháp phải nêu rõ tên đề tài sáng kiến giải pháp, tính mới, phân tích đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng, văn bản công nhận.

#### **Điều 41. Tuyến trình khen thưởng**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ và cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 42. Quy trình xét khen thưởng năm công tác, năm học**

1. Tập thể, cá nhân tự đánh giá thành tích, so sánh với chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và đối chiếu tiêu chuẩn khen thưởng quy định để đề nghị hình thức khen thưởng;

2. Xét khen thưởng cá nhân trước, tập thể sau, danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau;

3. Hội đồng xét duyệt sáng kiến xét công nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu đối với cá nhân có sáng kiến làm cơ sở xét khen thưởng và trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

4. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp xét đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc và biểu quyết theo nguyên tắc đa số như sau:

a) Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước, “giải thưởng Hồ Chí Minh”, “giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Đồng Nai”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” đạt từ 90% số phiếu thành viên Hội đồng tán thành trở lên;

b) Đối với các danh hiệu thi đua do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận, các hình thức khen thưởng cấp bộ, tập thể, cá nhân phải có số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trình và cấp ngành;

c) Đối với các hình thức khen thưởng khác có trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tán thành;

5. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

6. Thông báo kết quả: Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo cho đơn vị trình và tập thể, cá nhân đó biết lý do cụ thể.

7. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 43. Quy trình xét khen thưởng chuyên đề**

Thực hiện theo Điều 44 Quyết định 38/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **Điều 44. Quy trình xét khen thưởng thành tích đột xuất**

Thực hiện theo Điều 45 Quyết định 38/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **Điều 45. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

Thực hiện theo Quyết định 919/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thi đua – khen thưởng, Văn thư – lưu trữ ngành Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

#### **Điều 46. Tiễn thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

Thực hiện theo Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

#### **Điều 47. Trách nhiệm chi thưởng**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi tiền thưởng đối với:

a) Tập thể, cá nhân thuộc, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được khen thưởng cấp Tỉnh, cấp Nhà nước (theo nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh cấp về).

b) Tập thể, cá nhân hưởng quỹ lương tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen năm học; được Giám đốc Sở công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

c) Tập thể, cá nhân được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo khen thưởng khi lập thành tích xuất sắc đột xuất hoặc khen chuyên đề, các Hội thi. Trường hợp khác do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Đối với các tập thể, cá nhân không hưởng quỹ lương tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, trách nhiệm chi thưởng thuộc về đơn vị trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

### **Chương VI**

#### **HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 48. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành**

Thực hiện theo Điều 51 Quyết định 38/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh và Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Giáo dục.

Đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo, thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp huyện.

#### **Điều 49. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở**

1. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở tham mưu cho cấp ủy cơ sở, thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua khen thưởng của đơn vị.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở: Thủ trưởng đơn vị là Chủ tịch Hội đồng; Phó Chủ tịch là cấp phó của đơn vị và 01 đồng chí là Chủ tịch công đoàn; thành viên Hội đồng là các tổ trưởng tổ hành chính, tổ chuyên môn, đại diện Đoàn thanh niên nhà trường.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp cơ sở

a) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị phát động phong trào thi đua do Ngành phát động;

b) Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các phong trào thi đua; sơ kết, tổng kết phong trào thi đua cuối năm học; đề xuất các biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước tại đơn vị;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua của các cá nhân, tập thể trong đơn vị;

d) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị bình xét thi đua các tập thể, cá nhân trong đơn vị và trình cấp trên khen thưởng.

## **Chương VII**

### **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 50. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng**

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

#### **Điều 51. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

#### **Điều 52. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân được khen thưởng**

1. Hành vi vi phạm của cá nhân được khen thưởng

a) Vi phạm Điều 13 của Quy chế này;

b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;

c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này:

- a) Bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
- b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- c) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm Khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.

**Điều 53. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng**

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

- a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;
- b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;
- c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;
- đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 54. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định khen thưởng**

1. Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

2. Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

**Điều 55. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng**

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

a) Hành vi vi phạm Điều 11 của Quy chế này;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

#### **Điều 56. Giải quyết khiếu nại tố cáo**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Chương VIII**

#### **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

##### **Điều 57. Quỹ Thi đua, khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **Điều 58. Nguồn và mức trích quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **Điều 59. Sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **Điều 60. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Chương IX**

#### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

##### **Điều 61. Trao tặng khen thưởng**

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.

2. Người được ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không được ủy quyền lại.

##### **Điều 62. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và quản lý cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng**

1. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 36 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

2. Việc quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 40, 41, 42, 43 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 và Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu

bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

3. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; giấy khen thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện thì bằng chứng nhận được sử dụng hình quốc huy in ở chính giữa; về họa tiết trang trí hoa văn đường diềm, hình nền của bằng chứng nhận không được giống hoặc tương tự với bằng khen cấp tỉnh, bộ ngành Trung ương, cấp Nhà nước và có kích thước nhỏ hơn bằng khen cấp tỉnh.

#### **Điều 63. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 64. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng**

1. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở theo quy định hiện hành để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức:

a) Tập văn bản về thi đua, khen thưởng gửi chung đến các cơ quan (gọi chung là hồ sơ nguyên tắc): Lưu trữ đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành.

b) Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng: Lưu trữ vĩnh viễn.

c) Hồ sơ hội nghị thi đua do cơ quan chủ trì tổ chức: Lưu trữ vĩnh viễn.

d) Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua, khen thưởng:

- Dài hạn, hàng năm: Lưu trữ vĩnh viễn.

- 06 tháng, 09 tháng: Lưu trữ 20 năm.

- Quý, tháng: Lưu trữ 5 năm.

đ) Hồ sơ tổ chức thực hiện phong trào thi đua nhân các dịp kỷ niệm: Lưu trữ 10 năm.

e) Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân:

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ: Lưu trữ vĩnh viễn.

- Các hình thức khen thưởng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương: Lưu trữ 20 năm.

- Các hình thức khen thưởng của người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Lưu trữ 10 năm.

g) Hồ sơ khen thưởng đối với người nước ngoài: Lưu trữ vĩnh viễn.

h) Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng: Lưu trữ 10 năm.

#### **Điều 65. Đào tạo, bồi dưỡng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 66. Thanh tra, kiểm tra**

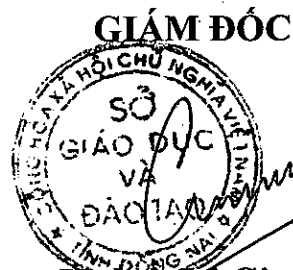
Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 67. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Thi đua – khen thưởng ban hành trong các năm học trước./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng TĐKT ngành GDĐT;
- Các phòng GDĐT;
- Các trường THPT và các đơn vị trực thuộc;
- Công thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.



**Huy~~nh~~ Lê Giang**

